

PHỤ LỤC SỐ 10
GIÁ ĐẤT NĂM 2014 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG
(Kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn

Đơn vị tính: đồng/m²

Đô thị	Loại đường phố	Vị trí			
		1	2	3	4
Thị trấn	II	996.000	498.000	249.000	124.000
	III	712.000	356.000	178.000	89.000
	IV	510.000	255.000	127.000	63.000
	V	367.000	183.000	91.000	52.000

2. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn

Đơn vị tính: đồng/m²

STT	Loại xã	Khu vực	Vị trí			
			1	2	3	4
1	Loại 1	Khu vực 1	367.000	183.000	91.000	52.000
		Khu vực 2	210.000	105.000	52.000	42.000
		Khu vực 3	118.000	59.000	44.000	35.000
2	Loại 2	Khu vực 1	210.000	105.000	52.000	42.000
		Khu vực 2	118.000	59.000	44.000	35.000
		Khu vực 3	68.000	40.000	30.000	25.000
3	Loại 3	Khu vực 1	68.000	40.000	30.000	25.000
		Khu vực 2	45.000	30.000	25.000	20.000
		Khu vực 3	30.000	25.000	20.000	18.000

3. Bảng giá đất chuyên trồng lúa nước hai vụ

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	65.000	48.000	34.000
		Vùng 2	50.000	38.000	26.000
		Vùng 3	38.000	29.000	20.000
2	Loại 2	Vùng 1	48.000	36.000	25.000
		Vùng 2	36.000	28.000	19.000
		Vùng 3	28.000	20.000	14.000
3	Loại 3	Vùng 1	28.000	20.000	14.000
		Vùng 2	20.000	16.000	11.000
		Vùng 3	16.000	12.000	8.500

- Trường hợp thửa đất chuyên trồng rau và đất chuyên trồng hoa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng này.

4. Bảng giá đất trồng một vụ lúa và một vụ màu/năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	59.000	44.000	31.000
		Vùng 2	46.000	35.000	24.000
		Vùng 3	35.000	26.000	19.000
2	Loại 2	Vùng 1	44.000	33.000	23.000
		Vùng 2	33.000	25.000	18.000
		Vùng 3	25.000	19.000	13.000
3	Loại 3	Vùng 1	25.000	19.000	13.000
		Vùng 2	19.000	14.000	10.000
		Vùng 3	14.000	11.000	7.500

- Trường hợp ruộng bậc thang trên sườn đồi thì giá đất được tính bằng bằng 0,9 lần.

- Trường hợp thửa đất chuyên sang trồng mía thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

5. Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	54.000	40.000	28.000
		Vùng 2	42.000	32.000	22.000
		Vùng 3	32.000	24.000	17.000
2	Loại 2	Vùng 1	40.000	30.000	21.000
		Vùng 2	30.000	23.000	16.000
		Vùng 3	23.000	17.000	12.000
3	Loại 3	Vùng 1	23.000	17.000	12.000
		Vùng 2	17.000	13.000	9.000
		Vùng 3	13.000	10.000	7.000

- Trường hợp thửa đất trồng một vụ lúa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

- Trường hợp đất trồng cây hàng năm khác có địa hình dốc >15⁰ thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

6. Bảng giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	52.000	38.000	27.000
		Vùng 2	40.000	30.000	21.000
		Vùng 3	30.000	22.000	16.000
2	Loại 2	Vùng 1	38.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	21.000	15.000
		Vùng 3	21.000	16.000	11.000
3	Loại 3	Vùng 1	21.000	16.000	11.000
		Vùng 2	16.000	12.000	8.000
		Vùng 3	12.000	9.000	7.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

7. Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vị trí		
		1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	7.500	4.500	2.200
2	Loại 2	5.400	3.500	1.700
3	Loại 3	4.000	2.600	1.200

8. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	37.000	32.000	22.000
		Vùng 2	32.000	28.000	20.000
		Vùng 3	28.000	22.000	16.000
2	Loại 2	Vùng 1	32.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	22.000	16.000
		Vùng 3	22.000	16.000	11.000
3	Loại 3	Vùng 1	22.000	16.000	11.000
		Vùng 2	16.000	12.000	9.000
		Vùng 3	12.000	10.000	7.000

9. Giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư thị trấn (trừ đất lâm nghiệp)

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Thị trấn	Vùng 1	68.000	49.000	35.000
		Vùng 2	52.000	39.000	27.000
		Vùng 3	39.000	29.000	21.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm có địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

10. Giá đất để tính tiền thuê đất với Nhà nước và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất khai thác khoáng sản được quy định chung: 80.000 đồng/m².

B. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, KHU VỰC, VÙNG VÀ VỊ TRÍ ĐẤT

I. THỊ TRẤN XUÂN HÒA

1. Phân loại đường phố và vị trí đất ở

1.1. Đường loại II

- Đoạn đường ngã ba rẽ Vân Đình theo đường Xuân Hòa - Vân Đình, đến hết tường rào Huyện Ủy;

- Đường nhánh 6 mới mở từ đầu cầu Bó Phú giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến cầu Chợ;

- Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến cầu Nậm Nhãn;

- Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện và mặt tiền xung quanh chợ;

- Đoạn từ ngã ba quán ông Hoàng Văn Luân rẽ vào trụ sở Ủy ban nhân dân huyện đến hết cổng nhà trẻ Liên Cơ;

- Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (Nhà bà Phan Thị Nau) rẽ vào đường mới mở đến cổng Công an huyện.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường loại II.

1.2. Đường loại III

- Từ đầu cầu Nặm Nhần (xóm Nà Vạc) theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đi Pác Bó đến hết nhà Mẫu giáo xóm Đôn Chương;

- Đoạn từ cổng Nhà trẻ Liên Cơ (theo đường nhánh 3) đến nhà ông Bé Văn Mạc;

- Đoạn từ ngã ba rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà (đường nhánh 9) theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến nhà ông Chu Văn Thắng (xóm Nà Chang);

- Đường liên xã Xuân Hoà- Đào Ngạn, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn;

- Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo trục đường vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà đến hết thửa đất của ông Nông Văn Nghị (Tổ Xuân Trường);

- Đoạn từ ngã tư Đôn Chương theo đường đi Sóc Hà đến đầu cầu Đôn Chương;

- Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo trục đường 210 đến nhà ông Nông Văn Nghị (xóm Đôn Chương);

- Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo trục đường rẽ vào trường Trung học Phổ thông Hà Quảng đến giáp trường (Đông Luông Bản Giàng).

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường loại III.

1.3. Đường loại IV

- Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào Nghĩa trang cách nhà quản trang 300 m;

- Đường Xuân Hoà- Đào Ngạn: Đoạn từ nhà ông Phương Quốc Tuấn đến cầu Hoàng Rẻ;

- Đoạn từ nhà ông Chu Văn Thắng theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng;

- Đoạn đường từ Trường Mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Trường Hà).

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường loại IV.

1.4. Đường loại V

+ Không có vị trí 1.

+ Vị trí 2:

- Các vị trí đất mặt tiền thuộc đoạn đường từ Trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Phù Ngọc);

- Các vị trí đất mặt tiền thuộc đoạn đường từ cầu Hoàng Rè (theo đường thị trấn Xuân Hòa- xã Đào Ngạn) đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa.

+ Vị trí 3: Đoạn từ nhà ông Nông Văn Nghị (xóm Đôn Chương) theo đường 210 đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Kéo Yên) và các vị trí đất còn lại;

- Đoạn tiếp tường rào Huyện Ủy theo đường Xuân Hòa - Vân Dính đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Vân Dính).

2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Thuộc phạm vi hai bên đường từ ngã ba tiếp giáp đường Hồ Chí Minh rẽ vào nghĩa trang đến bãi quay xe;

- Từ giáp xã Phù Ngọc theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Trường Hà);

- Từ ngã ba Đôn Chương theo đường 212 đến hết địa phận thị trấn (giáp xã Nà Sác);

- Từ ngã ba đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ theo đường liên xã Xuân Hòa - Đào Ngạn đến cầu Hoàng Rè;

- Từ ngã ba đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ theo đường vào Trường Trung học cơ sở Xuân Hòa mới mở đến hết thửa đất của ông Nông Văn Nghị (tổ Xuân Trường).

b) Vùng 2

- Đất nông nghiệp từ ngã ba rẽ lên Vân Dính theo đường Xuân Hòa - Vân Dính, đến hết tường rào Huyện Ủy;

- Đất nông nghiệp thuộc phạm vi 2 bên của đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Rè theo đường liên xã Xuân Hòa - Đào Ngạn đến hết địa phận thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Đào Ngạn) và khu vực Nà Dạng.

c) Vùng 3

Các xóm Khuổi Pàng, Khuổi Tèn và khu vực Lũng Sóc.

II. CÁC XÃ THUỘC HUYỆN HÀ QUẢNG.

CÁC XÃ LOẠI 2.

1. Xã Sóc Hà

1.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Cửa khẩu Sóc Giang được áp dụng từ đường phố loại IV và V.

a) Đường loại IV

- Đoạn từ đường tròn cửa khẩu (nhà ông Hoàng Văn Đức) đến công thoát nước tại thửa ruộng ông Nông Văn Quý;

- Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca đến trạm liên hợp cửa khẩu.

b) Đường loại V

- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quý theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Nà Sác;

- Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Ca theo đường trục chính ra đến hết đất nhà Mẫu giáo của xã.

Thị tứ Sóc Giang xã Sóc Hà áp dụng giá đất khu vực 1 xã loại 1

Khu vực 1

- Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà Mâm non của xã;

- Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) xóm Nà Nghiêng;

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

*** Các khu vực áp dụng giá đất xã loại 2**

a) Khu vực 1

- Đường liên xã Sóc Hà - Quý Quân, đoạn từ ao cá nhà ông Lương Văn Quảng (xóm Nà Nghiêng) đến nhà ông Nông Văn Phú (xóm Nà Nghiêng);

- Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Nà Sác).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Đoạn từ đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) theo đường đi xóm Nà Cháo đến nhà ông Triệu Văn Tiết (xóm Nà Cháo);

- Từ ngã ba rẽ vào cầu Cốc Vương theo đường vành đai đến nhà cộng đồng xóm Nà Phái;

- Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh từ nhà ông Nông Hoàng Thành theo đường tuần tra biên giới đến đường rẽ vào nhà ông Vi Văn Hải khu vực Nà Cà xóm Địa Lan.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Đất nông nghiệp thuộc phạm vi 2 bên của các đoạn đường:

- Đoạn từ tiếp giáp xóm Cốc Sâu xã Nà Sác theo trục đường Hồ Chí Minh đến đường tròn cửa khẩu Sóc Giang;
- Từ tiếp giáp xã Nà Sác theo đường 210 đến hết trạm liên hợp cửa khẩu Sóc Giang;
- Từ ngã ba đường rẽ cầu Cốc Vương theo đường vành đai đến hết thửa đất ruộng của ông Lý Văn Lâm (xóm Nà Phái);
- Từ ao cá của ông Nông Văn Quảng (xóm Nà Nghiêng) theo đường liên xã đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Quý Quân).

b) Vùng 2

Thuộc phạm vi 2 bên của đoạn đường từ thửa đất ruộng của ông Lý Văn Lâm theo đường vành đai đến đường rẽ lên xóm Lũng Pươi.

c) Vùng 3

Các xóm Lũng Mật, Lũng Cùm, Lũng Rài, Lũng Tao.

*** Xác định vị trí cụ thể :**

- + Vị trí 2: Các thửa đất bằng phẳng xung quanh khu dân cư của vùng 3.
- + Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại.

2. Xã Phù Ngọc

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Chợ Nà Giàng được áp dụng giá đất Khu vực 1 của xã loại 1 gồm:

- Từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo đường vào cổng Trường Trung học Phổ thông Nà Giàng đến cổng trường;
- Từ công nước (cua Cốc Đúc) trên nhà ông Triệu Văn Thuật theo trục đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) xuống đến đỉnh dốc Sam Kha;
- Từ ngã ba trục đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo đường liên xã Phù Ngọc- Hạ Thôn đến hết nhà ông Trần Văn Đông;
- Từ trục đường chính Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào chợ và mặt tiền xung quanh chợ.

- + Vị trí 1: Các vị trí mặt tiền của Khu vực 1.

Các khu vực áp dụng giá đất xã loại 2

a) Khu vực 1

- Từ đất nhà ông Nông Văn Chín (xóm Cốc Chủ) theo đường Hồ Chí Minh đi xuống đến hết mốc ranh giới xã Phù Ngọc và xã Nam Tuấn huyện Hoà An (Khuau Mắt).

b) Khu vực 2

- Từ cống nước (cua Cốc Đúc) theo trục đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hoà (đốc Kéo Mạ);

- Đoạn đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo đường vào Trạm y tế đến ngã ba đường rẽ lên Trường Tiểu học Nà Giàng và Trạm y tế;

- Từ đỉnh dốc Sam Kha theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến Nà Lum xóm Cốc Chủ (giáp đất nhà ông Nông Văn Chín xóm Cốc Chủ);

- Đường Phù Ngọc - Đào Ngạn đoạn từ tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Phù Ngọc (đỉnh dốc Pá Deng).

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

- Đường từ Nà Giàng - Hạ Thôn, đoạn từ nhà ông Trần Văn Đông đến cầu xây thứ nhất (chân dốc Noóc Mò); các khu đất còn lại

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3.

2.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi 2 bên của đoạn đường từ tiếp giáp xã Nam Tuấn (huyện Hòa An) theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa phận xã Phù Ngọc (giáp thị trấn Xuân Hòa).

b) Vùng 2

Thuộc phạm vi 2 bên của đoạn đường từ đám ruộng nhà ông Hoàng Văn Hán (xóm Cốc Chủ) theo đường giao thông liên xã Phù Ngọc - Đào Ngạn đến hết địa phận xã Phù Ngọc (giáp xã Đào Ngạn).

c) Vùng 3

Các xóm Noóc Mò, Lũng Giàng.

* **Xác định vị trí cụ thể :**

+ Vị trí 2: Các thửa đất bằng phẳng xung quanh khu dân cư của vùng 3.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại.

3. Xã Trường Hà

3.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đi Pác Bó đến hết nhà ông Hoàng Văn Hòa (xóm Nà Mạ);

- Đoạn đường từ trung tâm chợ xã Trường Hà theo đường đi Pác Bó đến nhà bà Nông Thị Ngân (xóm Bó Bầm).

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 1.

b) Khu vực 2

gồm các đoạn đường sau:

+ Từ nhà ông Hoàng Văn Hoà (xóm Nà Mạ) theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến chợ xã Trường Hà;

+ Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (chân dốc Kéo Già) theo đường làng nghề, làng du lịch qua cầu Nà Rài đến hết nhà ông Hoàng Văn Váng (xóm Hoang 1).

+ Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) (trước nhà ông Đàm Nông Cháp) theo đường làng nghề, làng du lịch đến cầu Hoang I;

+ Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (Nhà văn hoá xóm Nà Mạ) theo đường vào đồi Thoong Mạ đến đầu cầu bên kia suối;

+ Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (nhà bà Đàm Thị Mai) theo đường vào Nhà máy Thủy điện Bản Hoàng đến cổng nhà máy;

+ Từ sân Bảo tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó.

* Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 2

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

3.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến ngã ba đường rẽ lên Khuổi Nặm;

- Từ đường Hồ Chí Minh (chân dốc Kéo Đà) rẽ vào đường Làng nghề du lịch đến hết đường Làng nghề du lịch tiếp giáp đường Hồ Chí Minh xóm Hoang I.

b) Vùng 2

Từ tiếp giáp đường làng nghề, làng du lịch theo đường đi xóm Nặm Lìn đến hết xóm Nà Rài.

c) Vùng 3

Các thửa đất nông nghiệp thuộc các xóm Nà Lặng, Nặm Lìn và các khu đất còn lại.

4. Xã Nà Sác

4.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Đoạn đường từ đầu cầu Đôn Chương theo trục đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa phận xã Nà Sác (giáp xã Sóc Hà).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

4.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi 2 bên đường từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết ranh giới xã Nà Sác (giáp xã Sóc Hà).

b) Vùng 3

Thuộc phạm vi 2 bên đường từ ruộng nhà ông La Văn Hàm theo đường vào phân trường Mã Lịp và các khu đất còn lại.

5. Xã Đào Ngạn

5.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

- Đoạn từ đỉnh dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (xóm Bản Nưa);

- Đoạn từ ngã ba Nà Sả đường rẽ đi Năm Thín đến nhà ông Phan Văn Quế;

- Đoạn từ ngã ba Phia Hính qua xóm Kéo Chang đến xóm Kê Hiệt đến hết đất nhà ông Vương Văn Tường (xóm Kê Hiệt);

- Đoạn từ đường chính gốc cây đa rẽ vào đến hết chân đập Hồ Bản Nưa.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

5.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi 2 bên của các đoạn đường sau:

- Từ đỉnh dốc Pác Deng theo đường liên xã đến đỉnh dốc Kéo Tạc;

- Từ ngã ba đường liên xã theo đường vào xóm Kéo Chang đến hết xóm Kê Hiệt (chân đập);

- Từ ngã ba đường liên xã rẽ vào xóm Phia Đán đến hết thửa ruộng ông Nông Văn Thiết;

- Đoạn từ trục đường chính gốc cây đa rẽ vào đến hết chân đập Hồ Bản Nưa.

b) Vùng 2

- Đoạn từ ngã ba trục đường chính (trạm biến áp Nà Xả) rẽ vào xóm Phia Hính đến Tim Đeng;

- Đoạn từ ngã ba Nà Xả đi Nặm Thín đến hết địa giới xã Đào Ngạn (giáp xã Dân Chủ - Hòa An).

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã

6. Xã Tổng Cột

6.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Đoạn từ chợ Trâu bò (ngã ba rẽ vào trường cấp I, II Tổng Cột) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và mặt tiền xung quanh chợ.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Đoạn từ đường 210 rẽ vào đến Trường cấp I, II Tổng Cột và từ nhà ông Vương Văn Nghĩa theo đường 210 đến mỏ nước Răng Pù;

- Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo đường 210 đến hết xóm Cột Nưa;

- Từ đường 210 theo đường phân giới cắm mốc đến mỏ Sọc Phày;

- Đoạn từ mỏ nước Răng Pù theo đường 210 đến giáp địa phận xã Cô Mười;

- Đoạn từ tiếp giáp xóm Cột Nưa theo đường 210 đến giáp xã Nội Thôn.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã.

6.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi 2 bên đường từ mỏ Răng Pù theo đường 210 đến đường rẽ đi xã Sỹ Hai.

b) Vùng 2

- Từ đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo đường 210 đến hết địa phận xã Tổng Cột (giáp xã Nội Thôn);

- Từ mỏ Răng Pù theo đường 210 đến hết địa phận xã Tổng Cột (giáp xã Cô Mười);

- Từ đường 210 theo đường phân giới cắm mốc đi Ngườm Luông, Kéo Sỹ đến mỏ nước xóm Tổng Cột.

c) Vùng 3

Các xóm Thiêng Ngọa, Lũng Ái, Lũng Lăng, Lũng Rì, Lũng Mẩn, Lũng Luông, Răng Hán.

7. Xã Lũng Nặm

7.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Từ chân dốc Lũng Đá theo đường 210 đến đường rẽ lên xóm Cả Giếng;

- Từ ngã ba đường 210 (nhà ông Ma Văn Thành) theo đường Lũng Nặm-Vân An đến nhà bà Nông Thị Bích Thu (xóm chợ Nặm Nhũng cũ).

b) Khu vực 2

- Từ ngã ba Bó Ngán đến ngã ba xóm Thín Tảng;

- Từ tiếp giáp nhà bà Nông Thị Bích Thu theo đường Nặm Nhũng- Vân An đến Nặm Thuôn;

- Từ đường rẽ lên xóm Cả Giếng theo đường 210 Thượng Thôn đến hết nhà ông Chu Văn Khái (xóm Bó Nhảo).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2

c) Khu vực 3

- Từ đường rẽ lên xóm Cả Giếng đến đường rẽ đi xóm Tổng Pỏ;

- Từ Km 1 đường đi xã Vân An hết Km 1 Nặm Thuôn;

- Từ Hẻm Lũng Đá đến ranh giới xã Kéo Yên.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3.

7.2. Phân vùng đất nông nghiệp:

a) Vùng 1

- Từ tiếp giáp xã Kéo Yên theo đường 210 đến hết Nhà bia tưởng niệm;

- Từ đường 210 theo đường rẽ vào chợ xã Lũng Nặm đến đường rẽ vào xóm Phía Théc.

b) Vùng 2

Thuộc phạm vi 2 bên đường từ đường 210 rẽ theo đường liên xóm đến hết xóm Thín Tảng.

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại (xác định từ vị trí 2).

CÁC XÃ LOẠI 3

1. Xã Quý Quân

1.1 Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Từ ao nhà ông La Hải Tiên theo trục đường chính xuống đến hết khu đất ruộng của ông Triệu Văn Đăng sát bờ sông nơi có ba đầm ruộng của ông Triệu Văn Quốc;

- Từ thửa đất ông La Hoàng Bình (Nà Gọn) theo đường cái đến hết khu đất ông Quách Văn Cảnh (Thong Tả Pịt);

- Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò;

- Từ cầu (Lão Lường) theo đường cái đến hết Bản Láp.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Đoạn đường từ Trạm Y tế xã qua xóm Khuổi Luông đến Kéo Co Pheo (giáp đất thị trấn Xuân Hòa);

- Từ cầu Lão Lường theo đường chính qua xóm Bắc Phương đến hết nhà ông Nông Văn Kiên (xóm Khuổi Tấu).

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Từ ranh giới với xã Sóc Hà theo đường liên xã đến trụ sở mới của Ủy ban nhân dân xã Quý Quân.

b) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quý Quân mới theo đường liên xã đến giáp xã Dân Chủ (huyện Hoà An).

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại

2. Xã Kéo Yên

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Đoạn đường của cạnh rẫy ông Bé Văn Sáng (Co Lý) theo đường 210 qua nhà ông Hoàng Văn Sầm (Keng Dây) đến đỉnh dốc Kéo Tối (xóm Rừng Rụng).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Từ đường rẽ ngã ba giao thông liên thôn xóm Pá Rản lên xóm Lũng Luông đến chân dốc Đông Hâu (xóm Tả Rản);

- Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Sầm (xóm Keng Đây) theo đường 210 đến đỉnh dốc Kéo Tối (xóm Rằng Rụng);

- **Đoạn từ nhà ông Vương Văn Hải (xóm Năm Rằng) đến mốc biên giới Quốc gia 681 (xóm Năm Rằng);**

+ Đoạn đường từ chân dốc (rẫy ông Hoàng Văn Hòn) dọc theo đường giao thông Thín Tảng Lũng Năm - Lũng Tú đến Cốc Chia xóm Bó Shóp;

+ Đoạn từ rẫy Sác Ngọa ông Lục Văn Xiu theo đường vào xóm Lũng Tú đến hết đường ô tô đi lại được.

+ Vị trí 2: Gồm các đoạn đường sau:

- Từ nhà ông Hoàng Văn Lý theo đường nông thôn đến nhà ông Lý Văn Cường (Pá Rản);

- Từ đường 210 rẽ đi Pá Rản dọc theo đường nông thôn đến hết Nhà văn hoá xóm Lũng Luông;

- Đoạn từ Bó Rìn dọc theo đường nông thôn đến bãi quay xe xóm Cây Tắc.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

2.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi 2 bên đường từ giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường 210 đến hết địa phận xã Kéo Yên (giáp xã Lũng Năm).

b) Vùng 2

+ Đoạn đường từ đường rẽ ngã ba giao thông liên xóm Pá Rản lên xóm Lũng Luông đến dốc Đông Hâu xóm Pá Rản;

+ Đoạn từ nhà ông Vương Văn Chấn (Năm Rằng) đến mốc biên giới quốc gia 681 (Năm Rằng);

+ Đoạn từ chân dốc (rẫy ông Hoàng Văn Hòn) dọc theo đường giao thông Thín Tảng Lũng Năm – Lũng Tú đến Cốc Chia xóm Bó Shóp;

+ Đoạn từ rẫy Sác Ngọa ông Lục Văn Xiu theo đường vào xóm Lũng Tú đến hết đường ô tô đi lại được.

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

3. Xã Thượng Thôn

3.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Từ ngã ba Lũng Mùm đến giáp đỉnh dốc Lũng Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

- Đoạn đường theo trục đường đi xã Hồng Sỹ đến ngã ba đường đi xóm Cả Giang.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Theo đường 210 từ đỉnh dốc Lũng Táy đến ranh giới mốc giáp với xã Nội Thôn (Lũng Túng);

- Từ ngã ba Lũng Mùm đến hết làng Lũng Tẩn;

- Từ Pò Phiêng đến Nặm Giát.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

3.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ tiếp giáp xã Nội Thôn theo đường 210 đến hết địa phận xã Thượng Thôn (giáp xã Lũng Nặm);

- Từ ngã ba đường 210 rẽ theo đường liên xã Thượng Thôn- Hồng Sỹ đến hết địa phận xã Thượng Thôn (giáp xã Hồng Sỹ);

- Từ ngã ba đường liên xã Thượng Thôn- Hồng Sỹ rẽ theo đường đi xóm Cả Giang đến hết đường ô tô đi lại được.

+ Từ ngã ba rẽ theo đường đi xóm Tổng Cáng đến hết địa phận xóm Tổng Cáng;

+ Từ đường liên xã Thượng Thôn- Hồng Sỹ rẽ theo đường đi xóm Lũng Hòa đến hết đường ô tô đi lại được.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại (xác định từ vị trí 2).

4. Xã Nội Thôn

4.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Đoạn từ Kéo Lắc Mạ theo đường 210 đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỹ (xóm Lũng Rì).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Theo đường 210 mặt tiền từ Kéo Lắc Mạ đến hết xóm Lũng Rại;
- Mặt tiền từ nhà ông Hoàng Văn Sý (xóm Lũng Rì) đến hết kéo Lũng Tùng.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

4.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Đoạn đường từ xóm Pác Hoan đi theo đường đến xóm Cả Tiếng;
- Đoạn từ xóm Lũng Chuông đi theo đường đến hết xóm Làng Lý;
- Từ tiếp giáp địa phận xã Thượng Thôn theo đường 210 đến hết địa phận xã Nội Thôn (giáp xã Tổng Cột);
- Từ ngã ba đường 210 (xóm Pò Rài) theo đường đi xã Cải Viên đến hết địa phận xã Nội Thôn (giáp xã Cải Viên);
- Đoạn đường từ xóm Cả Tiếng theo đường đến hết xóm Lũng Chuông.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại.

5. Xã Vân An

5.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Từ nhà bia tưởng niệm đến khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân xã;
- Khu vực xóm Cha Vạc và xóm Lũng Rầu.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Từ Đổng Đeng theo đường liên xã đến đầu làng Cha Vạc;
- Đoạn từ ngã ba Thang Thon theo đường liên xã đến hết địa phận tiếp giáp xã Lũng Nặm.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

5.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ giáp xã Lũng Nặm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An (giáp xã Cải Viên);

- Từ ngã ba đường liên xã rẽ vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết xóm Nặm Đin.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại.

6. Xã Cải Viên

6.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Mặt tiền đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dộc Nặm;

- Từ làng Dộc Nặm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên (Giáp xã Vân An);

- Từ đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận giáp xã Nội Thôn;

- Từ xóm Chông Mạ theo đường giao thông nông thôn đến nhà ông Nông Văn Thời nhóm hộ Lũng Tả thuộc xóm Chông Mạ.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

6.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ tiếp giáp xã Vân An theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên (giáp xã Nội Thôn);

- Từ ngã ba đường liên xã rẽ vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết xóm Chông Mạ.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại.

7. Xã Sỹ Hai

7.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Trục đường liên xã đoạn từ ngã ba Lũng Pèn theo đường Sỹ Hai- Tổng Cột đến hết nhà bà Hoàng Thị Quế (xóm Nặm Thuôm).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Đoạn từ ngã ba Lũng Pèn theo đường liên xã đến hết xóm Lũng Túp (Thổ Công) cuối làng;

- Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào nhà ông Lục Văn Quân (xóm Nặm Thuôm) đến hết làng Lũng Đầu (ngã ba đi xóm Làng Linh).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

7.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ tiếp giáp xã Mã Ba theo đường liên xã đến hết địa phận xã Sỹ Hai (giáp xã Tổng Cột);

- Từ ngã ba xóm Kính Trên theo đường liên xã đi xã Hồng Sỹ đến hết địa phận xã Sỹ Hai (giáp xã Hồng Sỹ).

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại.

8. Xã Mã Ba

8.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo đường liên xã đến trạm biến áp của xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

Từ trạm biến áp theo đường liên xã đến hết xóm Lũng Rản (ngã ba đường đi xã Sỹ Hai).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

8.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường giao thông liên xã Sỹ Hai -Mã Ba đến mốc 364 xã Hạ Thôn;

- Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến nhà văn hóa xóm Lũng Niễn;

- Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến nhà ông Bàn Văn Hòa (xóm Keng Cạ);

- Đoạn từ ngã ba Rằng Rải đi theo đường vào xóm Tổng Đá, Lũng Peo;

- Từ UBND xã đến nhà ông Nông Văn Hội xóm Mạ Rằng.

b) Vùng 2

Hai bên đường từ ngã ba đường liên xã Sỹ Hai- Mã Ba rẽ vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết xóm Cả Poóc.

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại.

9. Xã Hạ Thôn

9.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Đoạn từ trạm Y tế theo đường liên xã đến hết làng Lũng Hủ (đoạn của có cống nước).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

Đoạn từ ngã ba Rằng Khoen đến hết làng Lũng Giáo (ngã ba đường rẽ cạnh nhà ông Dương Vương Soòng).

+ Vị trí 1: Các vị trí thửa đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

9.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Thuộc phạm vi 2 bên của các đoạn đường từ tiếp giáp xã Phù Ngọc theo đường liên xã đến hết Phân trường Kéo Nặm;

- Từ ngã ba Lũng Hủ theo đường liên xã đến xóm Răng Khoen (giáp xã Mã Ba);

- Từ nhà nhỏ (quán bán hàng) của bà Hoàng Thị Lý theo đường liên xã đi Lũng Hoài nưa, xóm Kéo Nặm đến hết phân trường Cốc Sa;

- Từ nhà ông Dương Văn Soong đến trạm y tế xã đi Lũng Hoàng đâu.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại.

10. Xã Hồng Sỹ

10.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Từ trường Tiểu học theo đường chính đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân xã;

- Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường liên xã đến hết Trường Trung học cơ sở Hồng Sỹ.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 1.

b) Khu vực 2

- Theo đường liên xã đoạn từ trường học đến giáp ranh xã Sỹ Hai;

- Đoạn từ Trường Trung học Cơ sở Hồng Sỹ theo đường liên xã đến giáp ranh xã Thượng Thôn.

+ Vị trí 1: Các vị trí thửa đất mặt tiền của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

10.2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 2

Thuộc phạm vi 2 bên của đoạn đường từ tiếp giáp xã Sỹ Hai theo đường liên xã đến hết địa phận xã Hồng Sỹ (giáp xã Thượng Thôn).

11. Xã Văn Dính

11.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh theo đường đi xã đến nhà ông Mạ Văn Sinh;

- Đoạn từ giáp ranh Thị trấn Xuân Hòa qua địa phận xã Vân Dính giáp xã Thượng Thôn.

b) Khu vực 2

- Từ trục đường chính xóm Lũng Tu đến hết xóm Lũng Sang;
- Từ phân trường xóm Lũng Giàng đến hết xóm Lũng Cuối;
- Từ đường rẽ xóm Sĩ Đìêng đến hết xóm Kha Bản.

c) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại áp dụng giá đất vị trí 3, Khu vực 3.

11.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi hai bên của đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Sinh đến nhà ông Mạ Văn Sinh;

b) Vùng 2

- Hai bên đường đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh theo đường Xuân Hòa- Vân Dính đến hết địa phận xã Vân Dính (giáp với thị trấn Xuân Hòa);
- Hai bên đường đoạn từ nhà ông Mạ Văn Sinh theo đường Vân Dính- Thượng Thôn đến hết địa phận xã Vân Dính (tiếp giáp với xã Thượng Thôn).

c) Vùng 3

- + Vị trí 2: Các thửa đất bằng phẳng xung quanh khu dân cư của vùng 3.
- + Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại.

***Ghi chú:** Các trường hợp không quy định cụ thể thì áp dụng quy định chung.